

Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 2012

THÔNG TƯ

**Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp năm 2007;

Căn cứ Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp.

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Thông tư này quy định nội dung chi, việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyên giao người đang chấp hành hình phạt tù.

2. Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyên giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp và Nghị định số 92/2008/NĐ-CP được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp theo Thông tư này gồm:

- a) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- b) Toà án nhân dân tối cao;
- c) Bộ Công an;
- d) Bộ Ngoại giao;
- đ) Bộ Tư pháp;
- e) Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài;

g) Các cơ quan Nhà nước khác thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện công tác tương trợ tư pháp

1. Ngân sách nhà nước.
2. Các khoản phí, lệ phí, chi phí liên quan đến uỷ thác tư pháp về dân sự.
3. Các khoản viện trợ, tài trợ và các khoản thu hợp pháp.

Điều 3. Nội dung chi hỗ trợ công tác tương trợ tư pháp

1. Chi cho việc xử lý hồ sơ uỷ thác tư pháp: nghiên cứu, rà soát, xác định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, lập hồ sơ, chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp.

2. Chi phí dịch các tài liệu có liên quan đến công tác tương trợ tư pháp.

3. Chi phí triệu tập và bảo vệ người làm chứng, người giám định đang có mặt thường trú hoặc tạm trú ở nước được yêu cầu tham gia tố tụng tại Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam: tiền vé máy bay khứ hồi; tiền ăn ở; tiền tiêu vật; tiền lương hoặc thu nhập bị mất hoặc bị khấu trừ của người làm chứng, người giám định do họ phải đến Việt Nam làm chứng, giám định trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác.

4. Chi thực hiện công tác điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp; điều tra, xác minh đối tượng để dẫn độ theo yêu cầu của Việt Nam hoặc nước ngoài: chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi khác.

5. Chi thực hiện việc tổng đạt trực tiếp hồ sơ uỷ thác tư pháp tới đương sự: chi phí gửi hồ sơ uỷ thác, chi đi lại, ăn ở của cán bộ thực hiện công tác tổng đạt.

6. Chi lấy ý kiến chuyên gia: Trong trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến vấn đề phức tạp thì người đứng đầu cơ quan thực hiện công tác tương trợ tư pháp quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia.

7. Chi đi lại, ăn ở của cán bộ nước ngoài thực hiện việc áp giải tội phạm, áp giải phạm nhân sang Việt Nam theo yêu cầu dẫn độ, yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù của Việt Nam (trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác) bao gồm cả chi phí phát sinh trong trường hợp quá cảnh.

8. Chi đi lại, ăn ở cho cán bộ Việt Nam thực hiện việc bắt giữ, áp giải tội phạm, áp giải phạm nhân để bàn giao cho nước ngoài theo yêu cầu dẫn độ và yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù của nước ngoài bao gồm cả chi phí phát sinh trong trường hợp quá cảnh.

9. Chi phí hỗ trợ mua vé máy bay hoặc tàu xe cho người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án.

10. Chi phí chuyển phát tài liệu, hồ sơ tương trợ tư pháp ra nước ngoài và từ cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về Việt Nam.

11. Chi tổ chức hội thảo, tọa đàm trong lĩnh vực tương trợ tư pháp; chi tổ chức họp, hội nghị đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động tương trợ tư pháp.

12. Chi các đoàn đàm phán hiệp định về tương trợ tư pháp ở trong nước và nước ngoài.

13. Chi bồi dưỡng nghiệp vụ trong nước và nước ngoài để nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ tương trợ tư pháp.

14. Tổ chức khảo sát kinh nghiệm của nước ngoài phục vụ hoạt động tương trợ tư pháp; khảo sát, đánh giá hiện trạng quan hệ nhu cầu hợp tác về tương trợ tư pháp với nước đối tác.

15. Chi tổ chức các đoàn khảo sát liên ngành hàng năm đánh giá tình hình triển khai thực hiện công tác tương trợ tư pháp.

16. Chi tổ chức mạng lưới thông tin phục vụ cho việc xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu về tương trợ tư pháp; duy trì, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả, hiệu suất của hệ thống thông tin (bao gồm cả việc chi mua sắm phần cứng, phần mềm, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, dịch vụ khác); chi ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn (bao gồm cả việc tin học hoá hệ cơ sở dữ liệu). Chi mua tài liệu, sách, báo cần thiết theo từng lĩnh vực tương trợ tư pháp.

17. Chi gửi hồ sơ tương trợ tư pháp từ các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cho đương sự hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài.

18. Chi phí đi lại, ăn ở của người phạm tội, phạm nhân, chi phí cho việc canh giữ người phạm tội trong trường hợp người bị dẫn độ quá cảnh trên lãnh thổ của một nước khác.

19. Chi thực hiện các hoạt động liên quan đến điều ước quốc tế và thoả thuận quốc tế về tương trợ tư pháp: dịch các điều ước quốc tế, hội thảo, tọa đàm về điều ước quốc tế, soạn thảo điều ước, thẩm định, thẩm tra điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp và một số nội dung chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác điều ước quốc tế và thoả thuận quốc tế.

20. Các khoản chi khác liên quan đến công tác tương trợ tư pháp: Chi hoạt động nghiên cứu khoa học về thực trạng và giải pháp liên quan đến công tác tương trợ tư pháp; chi làm đêm, làm thêm giờ, chi thông tin liên lạc, chi văn phòng phẩm; chi in ấn, phát hành biểu mẫu, giấy tờ, sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ tương trợ tư pháp và một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác tương trợ tư pháp.

Điều 4. Mức chi hỗ trợ công tác tương trợ tư pháp

1. Các nội dung chi hỗ trợ công tác tương trợ tư pháp thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành. Cụ thể như sau:

a) Chi cho hoạt động dịch hồ sơ, tài liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý và quyết

toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

b) Đối với các khoản chi công tác phí cho công chức đi công tác nước ngoài để khảo sát pháp luật, rà soát, đàm phán hiệp định tương trợ tư pháp, cho người áp giải tội phạm ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

c) Đối với các khoản chi công tác phí cho công chức đi công tác trong nước; chi đi lại, ăn ở của cán bộ Việt Nam thực hiện việc bắt giữ, áp giải tội phạm; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Đối với các khoản chi thực hiện tổng đạt trực tiếp tới đương sự (chi phí gửi văn bản tổng đạt, chi phí đi lại, ăn ở của cán bộ thực hiện công tác tổng đạt tới đương sự):

- Trường hợp cán bộ đi công tác để thực hiện tổng đạt ở trong nước: thực hiện theo chế độ quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Trường hợp cán bộ cơ quan đại diện ở nước ngoài đi công tác để thực hiện tổng đạt thực hiện theo chế độ quy định tại Thông tư số 222/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

- Đối với các chi phí gửi văn bản tổng đạt: Căn cứ hoá đơn, chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp theo quy định hiện hành.

đ) Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác tương trợ tư pháp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

e) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tương trợ tư pháp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

g) Đối với các khoản chi liên quan đến việc xây dựng và thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp được thực hiện theo Thông tư số 65/2008/TT-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử

dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thoả thuận quốc tế.

h) Đối với các khoản chi xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu; duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tương trợ tư pháp được thực hiện theo Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử; Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước.

i) Chi đi lại, ăn ở của cán bộ nước ngoài thực hiện việc áp giải tội phạm, áp giải phạm nhân sang Việt Nam; chi các đoàn đàm phán hiệp định ở trong nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 6/1/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, chế độ chi tiêu tiếp khách trong nước.

k) Chi cho công tác điều tra, xác minh: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 148/2011/TT-BTC ngày 7/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác điều tra tội phạm;

l) Chi rà soát, hệ thống hoá văn bản làm cơ sở dữ liệu pháp lý phục vụ công tác tương trợ tư pháp: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

m) Chi cho những người nước ngoài làm chứng, giám định (nếu có) được thực hiện theo thoả thuận với cơ quan tiến hành tố tụng tại Việt Nam.

n) Chi cho những người ra nước ngoài làm chứng, giám định (nếu có): Trường hợp là cán bộ, công chức hoặc là công dân Việt Nam khác (không phải là phạm nhân) thực hiện theo quy định tại điểm b nêu trên; trường hợp là phạm nhân thực hiện theo quy định cụ thể của Bộ Công an.

o) Chi tiền lương làm đêm, làm thêm giờ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5/1/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức.

p) Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Các cơ quan sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp phải thực hiện theo đúng các quy định nêu trên và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn một số khoản chi cụ thể như sau:

a) Chi cho việc xử lý hồ sơ uỷ thác tư pháp (nghiên cứu, rà soát, xác định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, lập hồ sơ, chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp và theo dõi tiến độ thực hiện theo quy định): Từ 100.000 đồng – 500.000 đồng/bộ hồ sơ.

b) Chi lấy ý kiến chuyên gia trong trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến vấn đề phức tạp, cần xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo các cơ quan có thẩm quyền có liên quan: từ 300.000 đồng-600.000 đồng/vấn bản/chuyên gia.

c) Chi các thành viên tham gia các buổi hội thảo, tọa đàm:

- Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi;

- Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

d) Một số khoản chi khác như: Chi trang bị sách, báo, tạp chí cần thiết theo danh mục từng lĩnh vực tương trợ tư pháp; chi cho việc thiết lập các kênh trao đổi thông tin về pháp luật và thực tiễn tương trợ tư pháp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp mà Việt Nam là thành viên; chi gửi hồ sơ uỷ thác, chi phí chuyển phát tài liệu, hồ sơ tương trợ tư pháp ra nước ngoài và từ cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về Việt Nam, chi gửi hồ sơ tương trợ tư pháp từ các cơ quan đại diện Việt Nam đến đương sự hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; chi phí tiền mua vé máy bay hoặc tàu xe cho người bị dẫn độ từ nước ngoài về Việt Nam để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án; chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm...: Thực hiện theo chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện.

Điều 5. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác tương trợ tư pháp

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp của cơ quan, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác tương trợ tư pháp theo quy định tại Luật tương trợ tư pháp và Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tương trợ tư pháp.

2. Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác tương trợ tư pháp và căn cứ vào nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư này, các cơ quan lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Quản lý, sử dụng và quyết toán: Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Riêng đối với các cơ quan đại diện Việt nam ở nước ngoài: Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số

222/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/10/2012. Đối với chi thực hiện nhiệm vụ tương trợ tư pháp năm 2012 các cơ quan, tổ chức chủ động sắp xếp trong dự toán 2012 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận: Hand

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VP Quốc hội; VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- VP TW Đảng và các ban của Đảng
- Toà án NDTC; Viện Kiểm sát NDTC;
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các Hội, đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh